

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113** /2019/HC-PT

Ngày: 31/7/2019

*“Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 70/2019/TLPT-HC ngày 17/01/2019 về việc: *“Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo của người khởi kiện – ông Trần Văn M.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 822/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Trần Văn M**; địa chỉ: 40 L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M: Ông **Trần Thủy C**; địa chỉ: số 40 L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Trụ sở: thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Phú L**, chức vụ: Chủ tịch; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Nguyên vào năm 1989, UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) có chủ trương giao đất cho một số cán bộ công nhân viên trong huyện để làm nhà ở tại khu vực đất giữa Giáo xứ B (phía Bắc giáo xứ) với đường C hiện nay, trong số các hộ được giao đất có hộ ông Trần Văn M. Theo như chủ trương thì ông M được cấp một lô đất có diện tích $(08 \times 20) \text{ m} = 160 \text{ m}^2$ tại khu đất quy hoạch tập thể giáo viên nay thuộc hẻm số 09 đường C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/10/1989 Phòng Kế hoạch huyện K có thông báo số 05/TB-KH cho ông M đến Phòng Kế hoạch để làm thủ tục nhận đất; nộp lệ phí cấp đất (lệ phí cấp đất là 5.000 đ - Theo phiếu thu số 02 ngày 26/10/1989 của Phòng Kế hoạch huyện K) và đi nhận đất ngoài thực địa. Ngay sau đó thì ông K và ông P (lúc đó ông K là cán bộ Phòng Thống kê huyện K còn ông P là cán bộ Phòng Địa chính huyện K) đã dẫn ông M đi đo đạc và cắm mốc ranh giới thửa đất mà ông M được nhận, cùng ngày ông P, ông K và ông M có lập biên bản đo đạc và giao nhận đất ngoài thực địa.

Tuy nhiên, do có việc bận nên ông P về trước nên không ký vào biên bản, vì vậy sau khi lập xong biên bản thì ông K giao biên bản cho ông M và nói ông M đưa ông P ký vào biên bản rồi nộp lên Phòng Kế hoạch huyện K để nhận quyết định giao đất. Nhưng sau đó do công việc bận rộn nên ông M không nộp biên bản lên Phòng Kế hoạch như ông K nói mà mang về nhà để cất giữ, tuy nhiên trong quá trình cất giữ thì đã bị thất lạc mất.

Sau khi nhận bàn giao đất ngoài thực địa do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông M cũng chưa có điều kiện làm nhà mà sử dụng diện tích đất trên để trồng rau đến hết năm 1992. Đến năm 1993 thì Giáo xứ B đã lấn chiếm hết toàn bộ diện tích đất trên của ông M, khi đó ông M đã làm đơn khiếu nại gửi lên UBND huyện K nhưng không được giải quyết. Năm 2003 và năm 2008 ông M tiếp tục làm đơn khiếu nại lần 02 và lần 03 nhưng vẫn không được UBND huyện K giải quyết. Đến năm 2013 ông M mới biết diện tích đất trên của ông M đã

được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp GCN QSD đất cho Giáo xứ B vào năm 2007. Ngay sau đó ông M tiếp tục làm đơn khiếu nại lên UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp GCN QSD đất cho Giáo xứ B nhưng không được UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết với lý do gia đình ông M không có Quyết định giao đất. Như vậy, ông M được giao đất, cấp đất đúng quy định của pháp luật hiện hành, nhưng UBND huyện K cũ (UBND thị xã B hiện nay) không tiến hành ban hành Quyết định cấp đất cho ông M là trái quy định của pháp luật là ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông M nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc UBND thị xã B ban hành Quyết định giao đất cũng như bàn giao cho ông M một lô đất khác có giá trị tương đương với lô đất mà đáng lẽ đã được nhận trước đây, trong trường hợp UBND thị xã B không bàn giao được đất thì phải thanh toán cho ông M số tiền tương đương giá trị lô đất mà đáng lẽ ra ông M được nhận là 400.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án người đại diện theo pháp luật của UBND thị xã B trình bày:

Theo như ông M trình bày thì tháng 10/1989 UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) có chủ trương giao đất cho cán bộ, công nhân viên trong Huyện để làm nhà ở, trong đó có hộ ông Trần Văn M, đến ngày 21/10/1989, ông M đóng tiền cho Phòng Kế hoạch huyện K theo Thông báo số 05/TB-KH, số tiền ông M phải nộp là 5.000 đ (phiếu thu số 02 ngày 26/10/1989), tôi xác định đây là lệ phí xin giao đất (tức là lệ phí đo đạc, cắm mốc) chứ không phải nộp tiền sử dụng đất như ông M trình bày. Ngoài ra, sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ của UBND huyện K thì không có hồ sơ giao đất như ông M trình bày nên không xác định được việc ông M có được cấp đất hay không, ông M không trực tiếp quản lý sử dụng đất trên thực tế.

Bên cạnh đó, ông Trần Văn M cho rằng năm 2007, UBND tỉnh Đắk Lắk đã cấp GCN QSD đất cho Giáo xứ B chồng lên phần đất mà ông M được cấp trước đây, do đó ông M khiếu nại và yêu cầu UBND tỉnh điều chỉnh GCN QSD đất cho Giáo xứ B để trả lại 160 m² đất của gia đình ông đã được giao trước đây hoặc giao cho gia đình ông một thửa đất khác có giá trị tương đương.

Nội dung này đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 08/6/2016, theo đó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Văn M. Từ những cơ sở

trên thì yêu cầu của ông M về việc buộc UBND thị xã B ra quyết định giao đất và bàn giao cho ông Trần Văn M một lô đất có giá trị tương đương với lô đất mà đáng lẽ ra ông M được cấp trước đây, hoặc buộc UBND thị xã B phải thanh toán cho ông M giá trị của thửa đất trên khoảng 400.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận, cũng không có quy định nào của pháp luật về việc trước đây không giao đất mà bây giờ phải thanh toán giá trị đất mà đáng lẽ ra được nhận hay cấp bù một lô đất khác có diện tích tương đương mà pháp luật chỉ quy định bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Lâm Văn H trình bày:

Tôi và ông M có quen biết nhau. Tôi được biết ông M thuộc diện được UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) cấp đất cùng với một số hộ khác. Nhưng việc ông M có được UBND thị xã B ban hành Quyết định giao đất hay không thì tôi không rõ. Tuy nhiên, tôi xác định vào khoảng năm 1991, 1992 thì gia đình ông M có trồng rau trên phần đất mà hiện nay thuộc đất của Giáo xứ B, đến năm 1993 thì phần đất trên do Giáo xứ B sử dụng và Giáo xứ B không cho ông M trồng rau nữa.

Người làm chứng ông Lê Văn C trình bày:

Tôi và ông M chỉ có quan hệ quen biết nhau. Tôi có nghe thấy và biết việc ông M thuộc diện được UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) cấp đất làm nhà ở. Cùng thời điểm được cấp đất như ông M còn có nhiều người khác. Ngoài ra, trong các năm từ năm 1990 đến năm 1992 thì ông M có nhờ tôi lên trồng rau ở khu đất ông Minh đã được cấp.

Người làm chứng ông Đỗ Văn K trình bày:

Tôi và ông M có mối quan hệ quen biết. Ngày 26/10/1989 tôi được Chủ tịch UBND huyện K giao nhiệm vụ đi cùng với ông Nguyễn Duy P là cán bộ Địa chính tại thời điểm đó để đi đến khu đất Tập thể Giáo viên tiến hành đo đạc, cắm mốc để giao đất cho ông M. Theo quy định thì mỗi hộ thuộc diện được cấp đất, trong đó có hộ ông M sẽ được cấp lô đất có diện tích 160 m² (08 x 20)m. Sau khi đo đạc xong, chúng tôi có lập biên bản giao đất và đưa cho ông M ký nhận. Đồng thời, tôi có nói với ông M đưa biên bản cho ông P ký rồi thứ 6 lên Phòng Kế hoạch để nhận quyết định giao đất. Theo quan điểm của tôi thì UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) không ban hành quyết định giao đất cho ông M là

không đúng quy định của pháp luật.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 46/2018/HC-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M về việc buộc UBND thị xã B ban hành Quyết định giao đất đối với diện tích 160 m² tọa lạc tại hẻm 09 C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk hoặc bàn giao cho ông Trần Văn M một lô đất khác có giá trị tương đương với lô đất trên. Trong trường hợp UBND thị xã B không bàn giao được đất thì phải thanh toán cho ông M số tiền tương đương giá trị lô đất mà đáng lẽ ra ông M được nhận là 800.000.000 đ.

Tách số tiền 5.000 đồng mà ông M đã nộp lệ phí cấp đất theo phiếu thu số 02 ngày 26/10/1989 bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, người khởi kiện – ông Trần Văn M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Tòa xét:

Tháng 10/1989 UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) có chủ trương giao đất cho cán bộ, công nhân viên trong Huyện để làm nhà ở trong đó có hộ ông Trần Văn M. Ngày 21/10/1989, Phòng Kế hoạch huyện K ban hành thông báo số 05/TB-KH yêu cầu ông Trần Văn M thuộc đơn vị Công an Huyện đứng 07 giờ 30 phút ngày 27/10/1989 đến tại Phòng Kế hoạch huyện K để làm thủ tục nhận đất và nộp lệ phí cấp đất là 5.000 đồng.

Ngày 26/10/1989, Ông đi nộp tiền theo Thông báo số 05/TB-KH ngày 21/10/1989; cùng ngày cán bộ Phòng Địa chính huyện K cùng với Ông tiến hành đo đạc, cắm mốc đối với diện tích đất ông được nhận.

Ngày 21/5/2007, UBND huyện K (nay là UBND thị xã B) ban hành Quyết định số 1041/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ B. Sau đó Giáo xứ B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 988001 diện tích 5.458 m² thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 02 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 465422, diện tích 11.431 m², thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thị trấn B, huyện K (cũ).

Năm 2013, Ông khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk về việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ B chồng lên diện tích 160 m² đất của ông.

Ngày 08/6/2016, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định Giải quyết khiếu nại số 1636/QĐ-UBND, theo đó không chấp nhận khiếu nại của Ông.

Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn M, thì thấy:

[1]. Năm 1989, UBND huyện K cấp cho Ông lô đất có diện tích đất 160 m² tại thị trấn B (nay nằm hoàn toàn trong khuôn viên Giáo xứ B), sau khi làm các thủ tục xin cấp đất thì Ông đã nhận đất và sử dụng từ năm 1989 đến năm 1993 bị Giáo xứ B lấn chiếm toàn bộ diện tích trên, sự việc này đã được Ông khiếu nại nhiều lần lên UBND huyện K nhưng không được giải quyết. Tuy nhiên, Ông không chứng minh được việc có Đơn khiếu nại lên UBND huyện K yêu cầu giải quyết hành vi lấn chiếm đất của Giáo xứ B.

Trong khi đó, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1636/QĐ-UBND đã xác định “Tại sổ Mục kê ruộng đất của Thị trấn B, huyện K năm 1993 không thể hiện thông tin về chủ sử dụng đất với diện tích 160 m² ông đang khiếu nại”.

Đồng thời, cũng tại Quyết định giải quyết khiếu nại này, Ủy ban nhân

dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận đơn khiếu nại, nhưng Ông không khiếu nại Quyết định này nên Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Ông thừa nhận sau khi Ông nộp lệ phí cấp đất 5.000 đồng thì ngày 26/10/1989 Ông cùng với ông Nguyễn Văn Ky (cán bộ Phòng Thống kê huyện K), ông Nguyễn Duy P (Cán bộ Phòng Địa chính huyện K) tiến hành đo đạc, cắm mốc lập Biên bản giao đất.

Tuy nhiên tại thời điểm đó, ông P có việc về trước nên Biên bản chỉ có ông K và ông M ký, sau đó ông K đưa Biên bản cho ông M, nói ông M đưa cho ông P ký rồi nộp lên Phòng Kế hoạch huyện K để nhận Quyết định giao đất nhưng ông không đưa Biên bản cho ông P ký và cũng không nộp Biên bản này lên cho Phòng Kế Hoạch. Từ đó đến nay Biên bản này vẫn do ông cất giữ nhưng trong quá trình bảo quản ông đã làm thất lạc mất (Bút lục 72).

Như vậy, Ông không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, hoàn tất thủ tục xin giao đất. Do đó, việc UBND huyện K (nay là UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) không ban hành Quyết định giao đất cho Ông như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Đối với số tiền Ông nộp lệ phí cấp đất 5.000đ (*Năm nghìn đồng*) theo Phiếu thu số 02 ngày 26/10/1989, sau khi nộp khoản tiền trên UBND huyện K đã tiến hành đo đạc, cắm mốc ngoài thực địa nhưng do Ông không thực hiện các thủ tục cần thiết để được cấp Quyết định giao đất; Tại Biên bản xác minh tại Phòng Kế hoạch thị xã B thể hiện không xác định được nội dung, mục đích thu số tiền trên của ông Trần Văn M (bút lục 141), số tiền này UBND thị xã B cho rằng đã sử dụng cho việc đo đạc, cắm mốc. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX tách ra để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác sau khi có đơn yêu cầu của ông M, án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[4]. Đối với kháng cáo của ông Trần Văn M yêu cầu UBND thị xã B giao cho Ông một lô đất khác có giá trị tương đương, xét:

Như đã phân tích ở mục [2] do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông nên cũng không có đủ căn cứ chấp nhận đề buộc Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho Ông một lô đất khác có giá trị tương đương.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới, khác so với án sơ thẩm. Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo cần giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn M, giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị này là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bị bác kháng cáo nên ông Trần Văn M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Người khởi kiện ông Trần Văn M. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2018/HC-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn M về việc buộc UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giao đất đối với diện tích 160m² tọa lạc tại hẻm 09 C, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk hoặc bàn giao cho ông Trần Văn M một lô đất khác có giá trị tương đương với lô đất trên. Trong trường hợp UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk không bàn giao được đất thì phải thanh toán cho ông Trần Văn M số tiền tương đương giá trị lô đất mà đáng lẽ ra ông Trần Văn M được nhận là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

2. Tách số tiền 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*) mà ông Trần Văn M đã nộp lệ phí cấp đất theo Phiếu thu số 02 ngày 26/10/1989 bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011457 ngày 03/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông M đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/7/2019./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long